

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/DS-PT

Ngày 17-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Thẩm phán

Bà Lê Thị Bích Tuyên

Ông Đặng Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 493/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 492/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị B, sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú: Số 555/1, Ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Số 135/4, ấp T1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn H.

(bà B, ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2024 và lời trình bày của nguyên đơn bà Trương Thị B trong quá trình giải quyết vụ án, có nội dung như sau:

Vào ngày 29 tháng 06 năm 2020, bà có cho ông H vay số tiền 50.000.000

đồng, để xây nhà tiền chế làm nhà để xe. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng, lãi suất sẽ trả hàng tháng nhưng bà sẽ không nhận bằng tiền mà đổi lại bà sẽ được đậu 01 chiếc xe 29 chỗ trong nhà tiền chế của ông H. Khi nào ông H trả lại cho bà hết số tiền 50.000.000 đồng nói trên thì bà B không được đậu xe nữa. Nếu bà muốn tiếp tục đậu xe thì bà phải trả tiền thuê nhà cho ông H mỗi tháng là 500.000 đồng. Ngay khi ký giấy mượn tiền bà đã đưa số tiền 50.000.000 đồng cho ông H.

Nhưng từ tháng 08/2022 đến nay, bà B không còn đậu xe ở nhà ông H nữa. Bà B có nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền vay và tiền lãi cho bà B nhưng ông H không trả. Đến ngày 09/04/2024 bà có làm bản thông báo để yêu cầu ông H trả lại số tiền đã vay là 50.000.000 đồng và số tiền lãi từ 01/09/2022 đến 01/4/2024 là 19 tháng x 50.000.000 đồng x 1% = 9.500.000 đồng trong thời hạn từ ngày 09/04/2024 đến ngày 19/04/2024. Nhưng sau thời gian nói trên ông H vẫn cố tình không trả. Nay bà chỉ yêu cầu một mình ông H trả lại cho bà tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 9.500.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H vắng mặt không có lý do: Ngày 18/9/2024 ông H có gửi bằng tường trình cho Tòa án thông qua người phụ nữ tên là Huệ: “... Tôi yêu cầu bà B trả tiền thuê nhà ... bốn chiếc xe tôi lấy một triệu một tháng...24 tháng trả tiền mặt cho tôi...”.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 153/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Huỳnh Văn H.

Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà B với số tiền vốn vay và lãi suất, tổng cộng là 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 10/10/2024, Tòa án nhân dân huyện T nhận được đơn kháng của ông Huỳnh Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông H trình bày: Mặc dù ông ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 29.6.2020, nhưng bà B không có giao tiền cho ông mà bà B trừ vào tiền xây nhà tiền chế làm nhà để xe trên đất của ông (tiền do bà B bỏ ra) để ông và bà B để xe, bà B trả tiền để xe cho ông 5000đồng/ngày. Sau đó giữa ông và bà B phát sinh mâu thuẫn nên bà B không để xe nữa nên ông đồng ý nhận nhà tiền chế và trả cho bà B 50.000.000đồng nên mới ký giấy vay tiền. Nay ông không có khả năng trả tiền nên không đồng ý theo án sơ thẩm, bà B được đến tháo dỡ nhà tiền chế, phần nào của ông thì bà B không được tháo dỡ.

Bà B thừa nhận lời trình bày của ông H tại phiên tòa phúc thẩm là đúng. Tuy nhiên, bà không đồng ý tự tháo dỡ nhà tiền chế, do ông H đã đồng ý nhận nên phải trả cho bà 50.000.000đồng và tiền lãi như án sơ thẩm tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Qua xem xét hồ sơ vụ án và yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H, nhận thấy:

Bà B khởi kiện yêu cầu ông H trả tiền vốn vay và tiền lãi và cung cấp là Giấy mượn tiền xây nhà tiền chế làm nhà để xe ngày 29/6/2020 có nội dung: *“Bên A sẽ cho bên B mượn 1 lần sau khi ký giấy mượn tiền để xây nhà tiền chế làm nhà để xe, số tiền mượn 50.000.000đ... lãi suất vay mượn 1%/tháng. Tiền lãi suất sẽ trả hàng tháng nhưng bên A sẽ không nhận bằng tiền mà đổi lại sẽ được đậu 1 chiếc xe 29 chỗ trong nhà tiền chế của bên B. Kỳ hạn trả nợ: khi nào bên B trả lại hết số tiền trên thì bên A không được đậu xe nữa. Nếu bên A muốn tiếp tục đậu xe thì bên A phải trả tiền thuê nhà cho bên B mỗi tháng là: 500.000đ”. Ông H và bà B thống nhất ngày 29/6/2020 ông có ký giấy vay tiền bà B 50.000.000 đồng nhưng thực tế không có việc giao nhận số tiền này và từ tháng 8/2022 đến nay bà B không còn đậu xe.*

Hai bên đương sự đã thỏa thuận ông H nhận nhà tiền chế và trả cho bà B 50.000.000đồng tiền cất nhà theo Giấy mượn tiền trên nhưng ông H không thực hiện nên căn cứ Điều 274, 275 BLDS ông H phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 50.000.000đ trên cho bà B là có cơ sở.

Về lãi suất: ngày 09/04/2024 bà B có Thông báo yêu cầu ông H trả lại số tiền đã mượn là 50.000.000 đồng và số tiền lãi, do ông H không thực hiện nghĩa vụ trả

nợ nên căn cứ Điều 357, Điều 468 BLDS ông H có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 01/9/2022 đến ngày 01/4/2024 với mức lãi suất 10%/năm, kháng cáo của ông H có cơ sở chấp nhận một phần.

Từ những phân tích trên đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Văn H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa một bản án sơ thẩm về tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Bị đơn là ông Huỳnh Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông không có vay tiền của bà Trương Thị B. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất xác định ngày 29 tháng 06 năm 2020 giữa bà B và ông H có ký giấy vay tiền số tiền 50.000.000 đồng, Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng, lãi suất sẽ trả hàng tháng nhưng bà sẽ không nhận bằng tiền mà đổi lại bà B sẽ được đậu 01 chiếc xe 29 chỗ trong nhà tiền chế của ông H. Khi nào ông H trả lại cho bà hết số tiền 50.000.000 đồng nói trên thì bà B không được đậu xe nữa. Nếu bà muốn tiếp tục đậu xe thì bà phải trả tiền thuê nhà cho ông H mỗi tháng là 500.000 đồng. Tuy nhiên, bà B không có giao tiền cho ông H. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Mặc dù ông H ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 29.6.2020, nhưng bà B không có giao tiền cho ông H mà bà B trừ vào tiền xây nhà tiền chế làm nhà để xe trên đất của ông H (tiền do bà B bỏ ra) để ông H và bà B để xe, bà B trả tiền để xe cho ông H 5000đồng/ngày. Từ 08/2022, bà B không còn đậu xe ở nhà ông H nữa nên ông H đồng ý nhận nhà tiền chế và trả cho bà B 50.000.000đồng nhưng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà B. Do ông H không có khả năng trả tiền nên không đồng ý theo án sơ thẩm, bà B được đến tháo dỡ nhà tiền chế, phần nào của ông H thì bà B không được tháo dỡ; bà B không đồng ý nên căn cứ các Điều 247, 275, 280 Bộ luật dân sự buộc ông H có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 50.000.000 đồng.

[6] Về tiền lãi: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bà B để buộc ông H trả tiền lãi cho bà B tính từ ngày 01/09/2022 đến 01/4/2024 là 19 tháng x

50.000.000 đồng x 1% = 9.500.000 là chưa phù hợp. Bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm cả ông H, bà B đều thừa nhận thực tế ông H không có vay số tiền 50.000.000 đồng mà đây là số tiền do ông H nhận tài sản (nhà tiền chế) do ông H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà B nên phải chịu tiền lãi chậm trả theo Điều 357, và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 01/09/2022 đến 01/4/2024 là 19 tháng x 50.000.000 đồng x 0,83% = 7.885.000 đồng.

[7] Từ những nhận định trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, sửa một phần Bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H, bà B phải chịu theo quy định.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông H không phải chịu án phí do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 153/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 148 và 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 357 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B đối với ông Huỳnh Văn H.

Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà B với số tiền gốc và lãi suất, tổng cộng là 57.885.000 đồng (năm mươi bảy triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B đối với ông Huỳnh Văn H đối với số tiền 1.615.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà B phải chịu 300.000đồng án phí, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 1.487.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0008857 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tỉnh Long An. Hoàn lại bà B số tiền là 1.187.000 đồng

Ông H phải chịu 2.894.500 án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Huỳnh Văn H không phải chịu; Hoàn lại ông H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo Biên lai thu số 0009145 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hữu Nghĩa

